

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 15/2022/KDTM-GĐT
Ngày 01/12/2022
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng gia công,
thi công xây dựng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh và ông Trương Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ninh Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử
giám đốc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp về hợp đồng gia
công, thi công xây dựng*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty SN. Người đại diện theo pháp luật: bà M; chức vụ:
Giám đốc.

Địa chỉ: số 1 đường N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Công ty 470. Người đại diện theo pháp luật: ông Th; chức vụ: Giám
đốc.

Địa chỉ: số 568 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu T; địa chỉ: số 477 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Vũ Thiện Sỹ; địa chỉ: số 568 đường Ng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công
ty SN do người đại diện trình bày:*

Công ty SN trước đây là Doanh nghiệp tư nhân SN, vì theo Giấy chứng
nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày
02/01/2018 mọi quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân SN đã được chuyển
giao toàn bộ cho Công ty SN (*sau đây viết tắt là Công ty SN*).

Từ ngày 09/5/2013 đến ngày 28/01/2015, Công ty SN và Công ty 470 (*sau*

đây viết tắt là Công ty 470) có ký 03 Hợp đồng kinh tế: số 302/HĐKT ngày 09/5/2013 giá trị 11.110.325.000 đồng, số 04/SN-HĐKT ngày 23/6/2014 giá trị 1.165.852.000 đồng và số 80/HĐTCXD ngày 28/01/2015 giá trị là 2.843.172.000đồng.

Trong quá trình thực hiện, Công ty SN đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng và tất cả đã được nghiệm thu. Công ty 470 đã thanh toán, trả phần lớn giá trị các hợp đồng nói trên. Còn một phần nhỏ chưa thanh toán, đã đối chiếu và xác nhận công nợ bằng văn bản: ngày 30/9/2017 còn nợ là 96.096.296 đồng và ngày 31/10/2017 còn nợ là 2.286.771.354 đồng. Ngày 14/3/2018 đã trả 30.000.000 đồng đối với Hợp đồng số 04/SN-HĐKT. Tính đến ngày 01/02/2019 đã trả nhiều đợt với số tiền 650.000.000 đồng cho Hợp đồng số 302/HĐKT và số 80/HĐTCXD (*Thời điểm, số tiền thanh toán cụ thể có bảng sao kê tài khoản ngân hàng kèm theo*). Hiện nay còn nợ Hợp đồng số 04/SN-HĐKT là 66.096.296 đồng, Hợp đồng số 302/HĐKT và Hợp đồng số 80/HĐTCXD là 1.636.771.354 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty 470 phải trả nợ gốc từ các hợp đồng nói trên là 1.702.867.650 đồng và trả nợ lãi phát sinh do chậm trả theo quy định của Luật thương mại với mức 9.7%/năm (kể từ ngày xác nhận nợ đến ngày 31/5/2021 là 592.378.668 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu trả số nợ gốc nói trên và 609.858.165 đồng lãi chậm thanh toán (tính từ ngày đối chiếu nợ đến ngày xét xử sơ thẩm).

Bị đơn Công ty 470 do người đại diện trình bày: Các hợp đồng kinh tế và hồ sơ thanh toán giữa Công ty 470 và Doanh nghiệp tư nhân SN thực hiện trước ngày 23/7/2019 đang trong giai đoạn xử lý sau thanh tra, điều tra và chờ kết quả cuối cùng của các cơ quan chức năng. Toàn bộ số liệu liên quan đến nội dung khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân SN đã quá lâu và qua nhiều thời kỳ Giám đốc, các ông: Đỗ Văn H, Vũ Văn Y, Nguyễn Hữu T, Phạm Văn Th1 chưa được đối chiếu, kiểm tra xác minh lại công nợ cũng như rà soát lại hồ sơ pháp lý liên quan đến việc ký nghiệm thu thanh toán xác nhận giữa hai bên.

Do đó nguyên đơn khởi kiện thì đề nghị đối chiếu lại số nợ và nguồn tiền trả. Sau khi Cục điều tra hình sự của Bộ quốc phòng chuyển tiền khắc phục về thì chúng tôi sẽ thanh toán cho Công ty SN .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Hữu T: Xác nhận việc nguyên đơn và Công ty 470 là có quan hệ với nhau 02 hợp đồng thi công, Hợp đồng gói thầu số 23 hồ chứa nước suối khu vực tỉnh Phú Yên và Hợp đồng gói thầu số 6 cầu Phú Cần, tỉnh Gia Lai, thời gian thực hiện hợp đồng khoảng năm 2012 đến năm 2014 là kết thúc. Thời gian này chủ thể ký hợp đồng là người khác, bản thân nhận nhiệm vụ thay thế chủ thể từ năm 2016 vậy đề nghị xem xét lại hợp đồng để có gì mời chủ thể trong hợp đồng giải thích nếu có vướng mắc. Công nợ khẳng định là có nhưng bao nhiêu thì không nắm được vì là người kế nhiệm nhận lại công nợ và có trả nợ, có xác nhận

công nợ, có văn bản. Đề nghị Tòa án căn cứ vào văn bản công nợ, chứng cứ gốc để xác định, giải quyết vì bản thân không điều hành công ty đã gần 02 năm rồi nên không biết hiện nay công nợ là bao nhiêu.

- Ông Vũ Thiện S, ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập họp lệ nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 08/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty SN; Buộc Công ty 470 phải trả cho Công ty SN số tiền nợ gốc là 1.702.867.650 đồng và tiền lãi là 609.858.165 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 16/8/2021, bị đơn Công ty 470 có đơn kháng cáo.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 11/2021/KDTM-PT ngày 10/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Tại Quyết định số 67/QĐ-VC2-KDTM ngày 15/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}. Về tố tụng:

{1.1}. Mặc dù Hợp đồng số 04/SN-HĐKT ngày 23/6/2014 được giao kết giữa Công ty SN và Đội 5 Công ty 470, nhưng ông Vũ Văn Y là Giám đốc Công ty 470 biết và xác nhận vào hợp đồng này. Theo quy định tại khoản 4 Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2005 thì người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân là người đại diện theo pháp luật. Trong vụ án này, Đội 5 là đơn vị phụ thuộc Công ty 470, không có tư cách pháp nhân, việc Đội 5 có giao kết hợp đồng với Công ty SN, Công ty 470 biết và đồng ý (*thể hiện qua việc xác nhận vào Hợp đồng 04, thanh toán, chuyển tiền*) nên pháp nhân Công ty 470 phải chịu trách nhiệm theo Điều 145 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Công ty SN khởi kiện Công ty 470 là đúng với khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Bị đơn trong*

vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện... ”. Do đó, nội dung kháng nghị nêu Tòa án hai cấp xét xử xác định Công ty 470 bị đơn là không đúng, mà bị đơn phải là đại diện của Đội 5 - Công ty 470 mới đúng, nhận định này của kháng nghị là không đúng pháp luật như viện dẫn trên.

{1.2}. Về sự tham gia tố tụng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hợp đồng số 04/SN-HĐKT ngày 23/6/2014 nêu trên do ông Vũ Văn Y- nguyên là Giám đốc Công ty 470 là người xác nhận vào hợp đồng và ông Nguyễn Ngọc T2 - Đội trưởng Đội 5 của Công ty 470 ký xác nhận vào Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ ngày 30/9/2017. Kháng nghị cho rằng Tòa án hai cấp xét xử không đưa ông Vũ Văn Y và ông Nguyễn Ngọc T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời kháng nghị cũng nhận định: *Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu T- Giám đốc Công ty 470 ký Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2017 trong khi Công ty SN chưa thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng số 80/HĐTCXD ngày 28/01/2015 và Hợp đồng số 302/HĐKT ngày 09/5/2013 là trái quy định về quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng theo Điều 147 của Luật Xây dựng... Xét thấy nội dung này Tòa án cấp phúc thẩm xác định đây là các công việc nội bộ của pháp nhân Công ty 470, nếu các cá nhân này có sai phạm thì Công ty 470 có quyền yêu cầu các cá nhân này bồi thường dân sự theo trách nhiệm của cá nhân đối với pháp nhân. Nhận định này của Tòa án phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là các cá nhân này chỉ thừa hành nhiệm vụ của pháp nhân- Công ty 470 trong một giai đoạn nhất định, lời khai của các cá nhân này có giá trị là người biết sự việc liên quan đến vụ án mà thôi, không làm ảnh hưởng đến tính đúng đắn, khách quan của Tòa án khi giải quyết vụ án này.*

{2}. Đối với phần nội dung mà kháng nghị nêu, thì thấy:

{2.1}. Đối với Hợp đồng số 04/SN-HĐKT ngày 23/6/2014.

Kháng nghị cho rằng để thanh toán đối với khoản nợ còn lại sau tạm ứng, Đội 5- Công ty 470 đã nhận nợ của Công ty 470 bằng các giấy nhận nợ vốn vay và đề nghị Công ty 470 chuyển vào tài khoản của Công ty SN lần lượt như sau: Ngày 31/10/2014, chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng với nội dung “Trả tiền gia công lan can” (BL 416); ngày 13/02/2015, chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng với nội dung “Trả tiền sản xuất lan can cầu”(BL 415); ngày 04/02/2016, chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng với nội dung “Trả tiền gia công ván khuôn”; ngày 04/02/2016, chuyển khoản số tiền 40.000.000đ với nội dung “Trả tiền gia công cơ khí cho Đội 5”, như vậy, từ ngày 31/10/2014 đến ngày 04/02/2016 Đội 5 - Công ty 470 thông qua Công ty 470 đã chuyển khoản cho Công ty SN tổng số tiền là 570.000.000 đồng, vượt quá số tiền còn nợ là 54.148.000 đồng (570.000.000 đồng - 515.852.000 đồng = 54.148.000 đồng). Tuy nhiên, xét nội dung của các Hợp đồng số 04/SN-HĐKT ngày 23/6/2014 là “*Sản xuất, gia công lan can cầu*”; Hợp đồng số 80/HĐTCXD ngày 28/01/2015

là “*Thi công sơn tẩy gỉ kết cấu nhịp dàn thép và Tăng cường dầm chủ Cầu 38-gói thầu số 03*”; Hợp đồng số 302/HĐKT ngày 09/5/2013 là “*Sản xuất, lắp đặt thiết bị cơ khí*”, ngoài ra tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/9/2014 (BL 418) còn có nội dung giữa Công ty 470/Đội 5 còn có ký kết Hợp đồng số 02/SN-KĐKT ngày 13/3/2014 **sản xuất ván khuôn** với tổng giá trị 56.671.000 đồng. Đối chiếu với nội dung chuyển khoản theo các chứng từ mà kháng nghị viện dẫn thì không rõ chuyển khoản để thanh toán cho hợp đồng cụ thể nào.

Hồ sơ vụ án thể hiện theo nội dung hợp đồng và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/9/2014 giữa ông Vũ Thiện S - Đội trưởng Đội 5- Công ty 470 và Công ty SN thì tổng giá trị của Hợp đồng số 04/SN-HĐKT ngày 23/6/2014 là 1.165.852.000 đồng, Công ty SN đã tạm ứng 650.000.000 đồng nên Đội 5 - Công ty 470 còn phải trả 515.852.000 đồng. Đến ngày 30/9/2017, ông Nguyễn Ngọc T2 - Đội trưởng Đội 5 - Công ty 470 và bà M - Giám đốc Công ty SN ký Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ đối với Hợp đồng số 04/SN-HĐKT xác định Đội 5 - Công ty 470 còn nợ số tiền là 96.096.296 đồng (BL 95, 169). Ngày 14/3/2018 Đội trưởng Đội 5 - Công ty 470 viết giấy nhận nợ vốn vay của Công ty 470 và đề nghị Công ty 470 thanh toán chuyển khoản cho Công ty SN số tiền 30.000.000 đồng và xác định Đội 5 - Công ty 470 còn nợ Công ty SN số tiền là 66.096.296 đồng nên Tòa án buộc Công ty 470 phải thanh toán số tiền này là có căn cứ.

Do đó, nội dung kháng nghị cho rằng các khoản tiền theo các chứng từ nêu trên là thanh toán cho Hợp đồng số 04/SN-HĐKT và Công ty 470 đã thanh toán thừa là không phù hợp với các khoản nợ mà các bên đã đối chiếu.

{2.2}. Đối với các vi phạm khác mà kháng nghị nêu:

- Về hồ sơ thanh toán của Công ty SN:

+ Theo lời trình bày của bà M - đại diện cho Công ty SN tại Biên bản đối chất ngày 19/3/2021 (BL 108) thì “*Hiện nay các công trình chúng tôi thi công đã được bàn giao cho chủ đầu tư và đưa vào sử dụng và có đối chiếu công nợ, đối với ý kiến về hồ sơ bàn giao công trình theo hợp đồng thì công ty chúng tôi chỉ thi công khối lượng cho Công ty 470, thi công các hạng phụ nên không có hồ sơ hoàn công công trình*”; còn ông Th - đại diện của Công ty 470 trình bày “*Tôi không được bàn giao 02 Biên bản đối chiếu công nợ nên tôi không biết. Nếu có công nợ như Công ty SN khởi kiện thì số tiền này trong nội dung chỉ sai nguyên tắc của các đồng chí giám đốc trước như kết luận của Cơ quan điều tra gửi trong hồ sơ vụ án (vì các chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty 470 mà Công ty 470 không thanh toán cho Công ty SN)*”.

+ Tại Công văn số 143/ĐTHS-P1 ngày 18/02/2021, Cục Điều tra-Bộ Quốc phòng xác định không điều tra các hợp đồng hiện đang tranh chấp (BL 105).

Như vậy, các bên đương sự đều thừa nhận toàn bộ công trình đã được bàn giao, đưa vào sử dụng từ lâu, Chủ đầu tư cũng đã thanh toán cho Công ty 470. Do đó, bà M trình bày tại phiên đối chất cho rằng Công ty SN chỉ thi công phần phụ

và không có hồ sơ hoàn công công trình là phù hợp và đã có các Biên bản đối chiếu công nợ do người có thẩm quyền đại diện của các Công ty ký xác nhận.

- Về việc phạt vi phạm: Nội dung kháng nghị nêu khi đối chiếu công nợ thì các bên chưa khấu trừ tiền phạt vi phạm do Công ty SN vi phạm tiến độ. Xét thấy vấn đề này các bên không có tranh chấp, nội dung này của kháng nghị không phù hợp với việc các bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ của các hợp đồng, đây là quyền tự quyết định, quyền tự định đoạt của đương sự.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các Biên bản xác nhận công nợ, buộc Công ty 470 phải trả tiền cho Công ty SN là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 67/QĐ-VC2-KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 11/2021/KDTM-PT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 11/2021/KDTM-PT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng (để b/c);
- Vụ GDKT II-TANDTC;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP B, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP (Văn phòng); Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Liêm

